

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **324/2021/KDTM-PT**
Ngày: 07/4/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh
doanh

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lê Thị Tuyết Trinh

2/ Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31 tháng 3 và ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/KDTMPT ngày 21/01/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

Do Bản án sơ thẩm số 49/2020/KDTM-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2021/QĐXX-PT ngày 08/2/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1924/2021/QĐ-PT ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Địa chỉ: 46/26 N, Phường A, quận B, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Bà Khuru Mỹ V, sinh năm 1975

Địa chỉ: 114/15B D, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B

Địa chỉ: G23 O, phường O A, Quận S, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng H, sinh năm 1988

Địa chỉ: 60A Đường D, phường P, Quận S, Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/8/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ số 87.1/HĐ-SHTPCo-TMDV (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 87). Nội dung: Hai bên cùng hợp tác đầu tư, kinh doanh dịch vụ phục vụ công nhân công trường và người lao động làm việc trong Khu công nghệ cao, tại vị trí: G23 O, phường O A, Quận S, Thành phố H; Thời hạn Hợp đồng: từ ngày 01/9/2015 – 21/10/2019; Mức khoán lợi nhuận: 150.660.000 đồng/tháng trên diện tích khu đất là 10.044m² và áp dụng cố định trong suốt thời hạn thực hiện Hợp đồng; Phương thức thanh toán: Công ty B phải nộp tiền bảo lãnh 900.000.000 đồng trong vòng 07 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng; số tiền khoán lợi nhuận được thanh toán định kỳ 01 tháng/lần, thời gian thanh toán trong vòng 03 ngày đầu của tháng đầu tiên của kỳ thanh toán.

Ngày 16/5/2016, các bên ký Phụ lục Hợp đồng số 1 (sau đây gọi tắt là Phụ lục 01), nội dung: Mức khoán lợi nhuận áp dụng từ ngày 01/9/2015 - 30/6/2016 là 150.660.000 đồng/tháng; từ 01/7/2016 – 31/12/2016 là 75.000.000 đồng/tháng; Sau thời hạn trên, mức khoán lợi nhuận sẽ được hai bên thống nhất lại.

Ngày 30/12/2016, các bên ký phụ lục Hợp đồng số 2 (sau đây gọi tắt là phụ lục 02), nội dung: Mức khoán lợi nhuận từ 01/01/2017 - 30/6/2017 là 25.000.000 đồng/tháng; từ ngày 01/7/2017 trở về sau, hai bên sẽ áp dụng mức lợi nhuận khoán như Điều 3 của Hợp đồng 87.

Ngày 23/01/2018, các bên thỏa thuận lại như sau: Mức khoán lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2017 là 25.000.000 đồng/tháng. Đối với năm 2018: Trong vòng 02 tháng đầu năm 2018, hai bên thống nhất nghiên cứu phương án thanh lý hợp đồng, sau khi thống nhất phương án thanh lý hợp đồng thì sẽ không phát sinh công nợ; Trong thời hạn thỏa thuận phương án thanh lý, Công ty B phải thanh toán mức khoán lợi nhuận cho Công ty C. Mức khoán do hai bên thỏa thuận sau.

Thực tế, Công ty B không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận. Ngày 28/02/2018, nguyên đơn gửi văn bản đề nghị Công ty B phải thanh toán mức khoán lợi nhuận của năm 2018 là 150.660.000 đồng/tháng, nếu Công ty B không đồng ý thì phải có ý kiến phản hồi nhưng đến 24/4/2018 Công ty B mới có ý kiến không đồng ý và đề xuất là 25.000.000 đồng/tháng.

Ngày 10/5/2018, nguyên đơn có văn bản xác nhận một lần nữa về mức khoán lợi nhuận từ tháng 01/2018 áp dụng đúng theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng 87 là 150.660.000 đồng/tháng và đề nghị Công ty B thanh toán ngay số nợ quá hạn thanh toán từ tháng 01-04/2018 là 602.640.000 đồng. Trường hợp Công ty B không tiếp tục thực hiện mức khoán theo Hợp đồng đã ký, hai bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty B không có bất cứ phản hồi bằng văn bản nào và cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền khoán lợi nhuận.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ số 87.1/HĐ-SHTPCo-TMDV ngày 31/8/2015 giữa Công ty C và Công ty B.

- Buộc Công ty B thanh toán tổng số tiền khoản lợi nhuận còn thiếu khoản còn thiếu tính từ ngày 01/01/2018 đến 21/10/2019 là 3.269.322.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi chậm trả. Yêu cầu thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng 87 và tiền khoản lợi nhuận từ sau ngày 21/10/2019 trong vụ án này.

Đại diện bị đơn trình bày:

Xác nhận giữa Công ty C và Công ty B có ký Hợp đồng và quá trình thực hiện Hợp đồng đúng như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Xác nhận Công ty B còn nợ Công ty C tiền khoản lợi nhuận từ tháng 01/2018.

Bị đơn đồng ý chấm dứt thực hiện Hợp đồng 87.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu thanh toán tiền khoản lợi nhuận 150.660.000 đồng/tháng. Bị đơn đề nghị trả 1.800.000.000 đồng cho tất cả thời gian mà bị đơn còn nợ. Yêu cầu giải quyết hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng 87.

Bản án sơ thẩm số 49/2020/KDTM-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ số 87.1/HĐ-SHTPCo-TMDV ngày 31/8/2015 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn C và Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông Benton 6

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B có trách nhiệm trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền khoản lợi nhuận còn thiếu tính từ 01/01/2018 đến 21/10/2019 là 3.269.322.000 (Ba tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi hai ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/12/2020, bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có

quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thời hạn kháng cáo: Xét thấy bị đơn kháng cáo trong thời hạn nên đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

[2] Xét về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa cấp sơ thẩm không xem xét đến Biên bản làm việc ngày 23/01/2018, không giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Đây là vấn đề cần xem xét.

[2.1] Xét, Mục 3.1 Điều 3 Hợp đồng 87 quy định: “...*hai bên thống nhất mức khoán lợi nhuận là 150.660.000 đồng/tháng ... Mức khoán này sẽ áp dụng cố định trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng*” và xuyên suốt hợp đồng không có điều khoản nào quy định về việc trong trường hợp Công ty B kinh doanh không hiệu quả thì Công ty C buộc phải giảm tiền khoán lợi nhuận. Việc các bên ký kết Phụ lục 01, Phụ lục 02 thỏa thuận giảm tiền khoán lợi nhuận của năm 2016, 2017 là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không phải là cơ sở bắt buộc Công ty C vẫn phải giảm cho những năm tiếp theo. Bị đơn cho rằng cần phải căn cứ Biên bản làm việc ngày 23/01/2018 có nội dung: “*mức khoán lợi nhuận của năm 2018 sẽ do 02 bên thỏa thuận sau*” để giải quyết mức khoán lợi nhuận, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cũng khẳng định từ thời điểm 23/01/2018 cho đến hiện nay thì các bên đương sự cũng không có một sự thỏa thuận nào khác. Do đó, buộc các bên phải thực hiện theo Mục 3.1 Điều 3 Hợp đồng 87 quy định: “...*hai bên thống nhất mức khoán lợi nhuận là 150.660.000 đồng/tháng*”. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty B phải trả cho Công ty C số tiền khoán lợi nhuận còn thiếu tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 21/10/2019 là: 150.660.000 đồng/tháng x 21 tháng 21 ngày = 3.269.322.000 đồng là có cơ sở, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 1.800.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, hội đồng xét xử đã giải thích cho các bên về hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng, nguyên đơn khẳng định không yêu cầu

Tòa án giải quyết, trong trường hợp nếu bị đơn không hoàn trả mặt bằng thì nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Bị đơn thì cho rằng đã đầu tư trên đất thuê và đề nghị Tòa án giải quyết, tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn không có đơn phản tố cũng như thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Do đó, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “...Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.” Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể giải quyết yêu cầu của bị đơn được và dành cho các bên quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[2.3] Từ những nhận định nói trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên án phí sơ thẩm.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 49/2020/KDTM-ST ngày 09/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung:

1.1 Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ số 87.1/HĐ-SHTPCo-TMDV ngày 31/8/2015 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn C và Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông Benton 6

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B có trách nhiệm trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C số tiền khoản lợi nhuận còn thiếu tính từ 01/01/2018 đến 21/10/2019 là 3.269.322.000 (Ba tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi hai ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

1.3. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự trong vụ án đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của việc chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ số 87.1/HĐ-SHTPCo-TMDV ngày 31/8/2015 thành vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 97.386.440 đồng (Chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm bốn mươi đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu tiền số 0009338 ngày 26/02/2019 là 33.418.800 (Ba mươi ba triệu bốn trăm mười tám ngàn tám trăm đồng) và Biên lai thu số 0026344 ngày 20/8/2019 là 24.079.200 (Hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm đồng).

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Xây dựng giao thông B phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0047353 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS TP Thủ Đức;
- TAND TP Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung